

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 7 – 2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Nguyễn Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như H**, sinh năm: 1988. **(có mặt)**

Đăng ký thường trú: Khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp LC, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1983. **(có mặt)**

Đăng ký thường trú: Khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Như H trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau ngày 30/3/2007. Thời gian chung sống chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; anh T thường xuyên nhậu, sau khi nhậu về nhiều lần đánh chị, nói lời xúc phạm cha mẹ chị. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Cách đây khoảng 10 năm chị và anh T có thời gian dài ly thân nhưng do gia đình động viên nên chị đã trở về tiếp tục chung sống với anh T. Thời gian chung sống lại, anh T vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; chị đã ly thân và không còn sống chung nhà với anh T cách đây khoảng 02

tháng. Chị không còn thương anh T. Toà án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị, chị cũng không trở về tiếp tục chung sống với anh T. Chị H yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Gia H1, sinh ngày 22/11/2009; Trần Nguyễn Gia H2, sinh ngày 09/02/2020; đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị có công việc, có thu nhập đủ để nuôi dưỡng hai con; Trần Nguyễn Gia H1 còn nhỏ, cần chị chăm sóc. Anh T chăm sóc con không chu đáo bằng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn T trình bày và xác định quan điểm như sau:

- Về hôn nhân: Anh T xác định thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn chị H trình bày là đúng. Anh chỉ đánh chị H một lần. Nguyên nhân đánh là do chị H nhắc hoài chuyện cũ. Nguyên nhân anh đi nhậu là vì anh buồn chuyện gia đình. Nay chị H cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Gia H1, sinh ngày 22/11/2009; Trần Nguyễn Gia H2, sinh ngày 09/02/2020. Anh T đồng ý giao Trần Nguyễn Gia H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trần Nguyễn Gia H2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh T xác định tuy con còn nhỏ nhưng anh cũng có thể nấu cơm, cho con ăn, chăm sóc con như những người khác; những lúc anh không thể chăm sóc con, anh có thể gửi con cho ông bà nội của cháu chăm sóc dùm. Anh cũng có đủ tài chính để nuôi con nên yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Nguyễn Gia H2.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Như H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị H xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh T cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Như H và anh Trần Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh T được pháp luật công nhận. Chị H xác định thời gian chị và anh T chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; anh T thường nhậu, sau khi nhậu đã nhiều lần đánh chị; chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được; chị không còn thương anh T; vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau. Chị H cương quyết ly hôn. **Đối với anh Trần Văn T:** Anh T cho rằng anh và chị H không có nhiều mâu thuẫn nhưng chị H cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét

thấy: Mâu thuẫn của chị H và anh T xảy ra nhưng không ai có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị H xác định chị không còn thương anh T, dù tiếp tục duy trì hôn nhân về pháp lý thì cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc; chị H cương quyết ly hôn. Anh T cũng đồng ý ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Gia H1, sinh ngày 22/11/2009; Trần Nguyễn Gia H2, sinh ngày 09/02/2020; các con đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T giao Trần Nguyễn Gia H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh T yêu cầu nuôi dưỡng Trần Nguyễn Gia H2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Nguyễn Gia H2 từ bé đến nay được mẹ là chị Nguyễn Thị Như H chăm sóc. Cháu Gia H2 tuy trên 03 tuổi nhưng hiện nay cháu chưa đầy 05 tuổi, cần được sự chăm sóc nhiều của mẹ. Anh T xác định anh rất thương con, muốn trực tiếp nuôi con, anh có điều kiện nuôi con. Xét thấy anh T là người lớn, anh T có thể hy sinh và kèm chế cảm xúc, tình cảm, mong muốn của mình để cho con anh được sống vui vẻ khi được ở gần mẹ. Trường hợp chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T vẫn có quyền thường xuyên thăm nom con chung theo quy định pháp luật. Anh T muốn con anh được nuôi dưỡng đầy đủ về vật chất, anh có thể tự nguyện cấp dưỡng bằng tiền hoặc hiện vật để chị H nuôi con. Như thế quyền lợi của anh T và con chung của anh với chị H đều được bảo đảm. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi dưỡng Trần Nguyễn Gia H2

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh T xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như H về việc xin ly hôn anh Trần Văn T.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị H và anh T tên Trần Nguyễn Gia H1, sinh ngày 22/11/2009 và Trần Nguyễn Gia H2, sinh ngày 09/02/2020 cho chị

Nguyễn Thị Như H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Anh T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Nguyễn Thị Như H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/5/2024, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0008654) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Như H, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân